

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-PT
Ngày 05-02-2021
V/v tranh chấp QSDĐ và tài sản gắn
liền với đất, yêu cầu chấm dứt
hành vi tranh chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Sơn;

Ông Vi Đức Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2020/TLPT-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 106/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021, ngày 19/01/2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Âu Văn C (đã chết ngày 14/3/2020, theo giấy chứng tử số 15 ngày 18/3/2020).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn:

1.1. Bà Vi Thị P, có mặt; anh Âu Văn L, có mặt; chị Âu Thị T, vắng mặt; anh Âu Văn V, vắng mặt; chị Âu Thị B, vắng mặt.

Cùng cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Chị Âu Thị S; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

1.3. Chị Âu Thị H; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

1.4. Chị Âu Thị N; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

1.5. Chị Âu Thị B; nơi cư trú: Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Âu Văn L, Âu Thị B, chị Âu Thị S, chị Âu Thị H, chị Âu Thị N, chị Âu Thị B: Bà Vi Thị P; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Âu Văn C: Bà Lương Thị Kim M - Luật sư, Văn phòng Luật sư K; Địa chỉ: đường C, phường H, thành phố L; có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Hà Văn S; có mặt;
2. Ông Hà Văn S1; có mặt;
3. Ông Luân Văn L; vắng mặt;
4. Ông Hoàng Văn T; có mặt;
5. Ông Luân Văn N; có mặt;
6. Ông Hà Văn P; vắng mặt;
7. Ông Lưu Văn H; có mặt;
8. Ông Hà Văn T; có mặt;
9. Ông Hà Văn P; có mặt;
10. Ông La Văn M; vắng mặt;
11. Ông Lưu Văn Th; vắng mặt;
12. Ông La Văn Tr; vắng mặt;
13. Ông Lưu Văn K; vắng mặt;
14. Ông Luân Anh T; có mặt;
15. Ông Luân Văn K; có mặt;
16. Ông Luân Văn C; có mặt;
17. Ông La Văn H; vắng mặt;
18. Ông Hà Văn Ơ; vắng mặt;
19. Ông Lưu Văn Ch; vắng mặt;
20. Bà Âu Thị Diễm; vắng mặt;
21. Ông Hà Văn Thu; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Xóm Khòn Khuông, thôn N2, xã Đông Quan, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Văn S, ông Luân Văn L, ông Luân Văn N, ông Hà Văn P, ông Hà Văn T, ông Hà Văn P, ông La Văn M, ông Lưu Văn Th, ông La Văn Tr, ông Lưu Văn K, ông Luân Văn K, ông Luân Văn C, ông La Văn H, ông Hà Văn O, ông Lưu Văn Ch, bà Âu Thị Đ, ông Hà Văn T: Ông Hà Văn S1, ông Hoàng Văn T, ông Luân Anh T, ông Hà Văn B; cùng cư trú tại: Xóm K, thôn N2, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

22. Ông La Văn M (đã chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông La Văn M:

2.1. Bà Nông Thị N; vắng mặt;

2.2. Anh Lưu Văn Ch; vắng mặt;

2.3. Anh Lưu Văn H1; vắng mặt;

2.4. Anh Lưu Văn H; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nông Thị N, anh Lưu Văn H1, anh Lưu Văn H: Ông Hà Văn S1, ông Hoàng Văn T, ông Luân Anh T, ông Hà Văn B; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn T, ông Hà Văn B: Bà Nguyễn Thanh H – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hà Văn S1, ông Luân Anh T: Bà Triệu Thị Kim L – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

4.1. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân M– Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4.2. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Long Văn Đ – Cán bộ địa chính, nông nghiệp, xây dựng và môi trường xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4.3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L1 huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: khu C, thị trấn C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó giám đốc; vắng mặt.

4.4. Chị Chu Thị K; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4.5. Ông Hà Việt L (tức Hà Văn K), vắng mặt; bà Hoàng Thị Ph, vắng mặt; bà Hà Thị X, vắng mặt; anh Hà Văn Đ, vắng mặt; ông Luân Văn C, có mặt; bà Hà Thị S, vắng mặt; ông Lâm Văn C, vắng mặt; bà Phùng Thị C, vắng mặt; anh Hoàng Văn X, vắng mặt; chị Hà Thị M, vắng mặt; bà Hoàng Thị T, vắng mặt; chị Phùng Thị D, vắng mặt; chị Dương Thị Ng, vắng mặt; chị Âu Thị L, vắng mặt; chị Lăng Thị Nh, vắng mặt; bà Nông Thị K, có mặt; anh La Văn T, vắng mặt; bà Lộc Thị Ph, vắng mặt; anh Lưu Văn Q, vắng mặt; bà Lâm Thị Th, vắng mặt; chị La Thị Th, vắng mặt; bà Dương Thị N, có mặt; chị Phùng Thị H, vắng mặt; ông Luân Văn S, vắng mặt; bà Lộc Thị N, vắng mặt; chị Chu Thị V, vắng mặt; ông Luân Văn H, vắng mặt; bà Âu Thị Ô, vắng mặt; bà Hoàng Thị P, vắng mặt; chị Hoàng Thị Q, vắng mặt; bà Trần Thị T, vắng mặt; bà Vi Thị V, vắng mặt; bà Lê Thị Ch, vắng mặt; bà Nông Thị N, vắng mặt; anh Lưu Văn H1, vắng mặt; anh Luân Văn Th, có mặt; chị Hứa Thị Đ, vắng mặt; anh Hoàng Văn Q, có mặt; chị Phùng Thị N, vắng mặt; anh Hoàng Văn T, vắng mặt; anh Hoàng Văn T3, vắng mặt; chị Hoàng Thị H, vắng mặt; anh Hà Văn Ch, vắng mặt; bà Lộc Thị L, vắng mặt; anh Hà Văn Đ, vắng mặt; anh Hà Văn Q, vắng mặt; chị Nông Thị H, vắng mặt; chị Hoàng Thị H, vắng mặt; chị Chu Thị C, vắng mặt; chị Luân Thị Nh, có mặt; chị La Thị Th, có mặt.

Cùng cư trú: Xóm K, thôn N2, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Việt L, bà Hoàng Thị Ph, bà Hà Thị X, anh Hà Văn Đ, ông Luân Văn C, bà Hà Thị S, ông Lâm Văn C, bà Phùng Thị C, anh Hoàng Văn X, chị Hà Thị M, bà Hoàng Thị T, chị Phùng Thị D, chị Dương Thị Ng, chị Âu Thị L, chị Lăng Thị N, bà Nông Thị K, anh La Văn T, bà Lộc Thị Ph, anh Lưu Văn Q, bà Lâm Thị Th, chị La Thị Th, bà Dương Thị N, chị Phùng Thị H, ông Luân Văn S, bà Lộc Thị N, chị Chu Thị V, ông Luân Văn H, bà Âu Thị Ô, bà Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị Q, bà Trần Thị T, bà Vi Thị V, bà Lê Thị Ch, bà Nông Thị N, anh Lưu Văn H1, anh Luân Văn Th, chị Hứa Thị Đ, anh Hoàng Văn Q, chị Phùng Thị N, anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn T1, chị Hoàng Thị H, anh Hà Văn Ch, bà Lộc Thị L, anh Hà Văn Đ, anh Hà Văn Q1, chị Nông Thị H, chị Hoàng Thị H, chị Chu Thị C, chị Luân Thị N, chị La Thị T: Ông Hà Văn S1, ông Hoàng Văn T, ông Luân Văn T, ông Hà Văn B; cùng cư trú: Xóm K, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4.6. Chị Lý Thị B, vắng mặt; ông Hà Văn L, vắng mặt; chị Mã Thị D, vắng mặt; anh Hà Văn B, vắng mặt; chị Lộc Thị B, vắng mặt; anh Hà Văn H, vắng mặt; anh Hà Văn N, vắng mặt; chị Hoàng Thị T, vắng mặt; chị Hoàng Thị H, vắng mặt; anh Hoàng Văn H, vắng mặt; bà Lộc Thị P, vắng mặt; chị Hà Thị Đ, vắng mặt; chị Hà Thu Ng, vắng mặt; anh Hà Văn M, vắng mặt; chị Hà Thị M, vắng mặt; chị Hà Thị V, vắng mặt; chị Hà Thị M, vắng mặt; chị Hà Thúy K, vắng mặt; chị La Thị A, vắng mặt; anh Lưu Trung H, vắng mặt; chị Lưu Thị L, vắng mặt; anh Lưu Văn H, vắng mặt; chị Lưu Thị N, vắng mặt; chị Lưu Thị H, vắng mặt; bà Lộc Thị P1, vắng mặt; chị Hà Thị H, vắng mặt; anh Hà Văn A, vắng mặt; chị Hà Thị B, vắng mặt; chị Luân Thị Thu T, vắng mặt; chị Luân Thị Như Q, vắng mặt; chị Hà Thị T4, vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm K, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người làm chứng: Ông Hoàng Đức H, vắng mặt; ông Hứa Đức V, vắng mặt; ông Âu Trung T, vắng mặt. Cùng nơi cư trú: Xóm K, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Do có kháng cáo của bị đơn ông (bà): Hà Văn T, Hà Văn P, Hà Văn T, Lưu Quang Ch, Hà Văn Đ, La Văn H, Lâm Văn C, Hà Văn P, Lưu Văn H1, La Văn C, Hà Văn O, Lưu Văn K, Hoàng Văn T, Hà Văn B, Lưu Văn Th, Luân Văn N, Luân Văn C, Luân Văn K, Luân Anh T, Lưu Văn Th2, Lưu Văn H, Hà Văn S, Hà Văn S1, Âu Thị Đ, La Văn M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nội dung của Ban án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Âu Văn C khởi kiện: Yêu cầu được quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp, toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp tại khu đồi K(tên gọi khác là N), thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp gia đình ông đã quản lý và sử dụng ổn định từ năm 1986, xây dựng nhà lều, trồng thông và quản lý các mảnh cây bạch đàn do Lâm trường L trồng trước năm 1979 đã khai thác. Gia đình quản lý ổn định và không tranh chấp với ai từ năm 1986.

Sau khi ông Âu Văn C chết. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Âu Văn C là bà Vi Thị P, anh Âu Văn L, anh Âu Văn V, chị Âu Thị B, chị Âu Thị S, chị Âu Thị H, chị Âu Thị N, chị Âu Thị B yêu cầu được tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp là 78.511m² và toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp tại khu đồi K, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu phía các bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Trước đây thuộc quyền quản lý và sử dụng của Lâm trường L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi Lâm trường L khai thác các cây bạch đàn đã trồng trước đó thì không quản lý nữa, bỏ hoang. Năm 1986 gia đình nguyên đơn đã quản lý và sử dụng, xây dựng nhà lều và trồng thông trên đất. Gia đình đã trồng thông làm nhiều đợt, tuy nhiên trồng bao nhiêu đợt và trồng bao nhiêu cây thì phía nguyên đơn không nhớ được. Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, nay là xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và nguyên đơn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đối với đất tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lương Thị Kim M, trình bày và đồng ý với ý kiến của phía nguyên đơn đưa ra.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn anh Hoàng Văn T, anh Hà Văn S1, anh Luân Anh T, anh Hà Văn B, trình bày: Diện tích đất tranh chấp thuộc khu đồi K, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc trước đây là do hợp tác xã (viết tắt là HTX) quản lý, sau đó HTX không quản lý nữa. Khoảng

năm 1997 có dự án trồng cây ăn quả của huyện đã thuê một số người dân trong thôn N trong đó có một số hộ dân xóm K đi cuốc hố trồng cây ăn quả trên. Ông Âu Văn C và con trai của ông Cường là anh Âu Văn L cùng địa chỉ với ông Âu Văn C cũng được thuê để đi cuốc hố trồng, cuốc hố được hết toàn bộ diện tích đất tranh chấp nhưng không trồng được hết cây quả trên số hố đã cuốc.

Dự án trồng cây ăn quả của huyện L do ông Hoàng Đức H là Giám đốc của dự án thuê và trả tiền công cuốc hố trồng cây cho chúng tôi. Tuy nhiên dự án ăn cây ăn quả này không thành công, do đất khô cằn, không chăm sóc được, cây ăn quả chết hết chỉ mọc các loại cỏ như cây dằng dằng, cây sim, cây mua, một số cây bạch đàn tự mọc do HTX đã trồng trước đây. Sau khi dự án cây ăn quả này không thành công thì diện tích đất tranh chấp này không ai quản lý, kể cả 21 hộ dân còn lại cũng không ai quản lý và không trồng cây gì trên đất, các cây thông có trên đất là do phát tán tự mọc. Gia đình ông Âu Văn C cũng không quản lý đất này. Cạnh diện tích đất tranh chấp ông Âu Văn C có quản lý một mảnh đất có diện tích nhưng phần đất ông Âu Văn C quản lý thuộc xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo địa giới hành chính trước đây của xã Đ), còn diện tích đất tranh chấp là phần đất thuộc địa giới hành chính xã Q trước đây. Diện tích đất tranh chấp ông Âu Văn C không quản lý và không trồng cây gì trên đất. Phần đất mà ông Âu Văn C quản lý là trồng toàn bộ cây thông và đang được cạo nhựa thông.

Năm 2017 xảy ra tranh chấp giữa ông Âu Văn C và các hộ dân Hà Văn S, ông Luân Văn L, ông Hoàng Văn T, ông Luân Văn N, ông Hà Văn P, ông Lưu Văn H, ông Hà Văn T, ông Hà Văn P, ông La Văn M, ông Lưu Văn Th, ông La Văn Tr, ông Lưu Văn K, ông Luân Anh T, ông Luân Văn K, ông Luân Văn C, ông La Văn Hiệp, ông Hà Văn O, ông Lưu Văn Ch, bà Âu Thị Đ. Tuy nhiên, anh Hà Văn T, ông Lưu Văn Mủ tham gia tranh chấp hay không thì các ông không nắm được. Bố của anh Hà Văn T là ông Hà Văn Viên (đã chết) có tham gia việc không cho ông Âu Văn C tiếp tục dùng máy súc cuốc đất tranh chấp. Vụ việc đã được chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được, đất tranh chấp không ai có giấy tờ gì. Nay các bị đơn yêu cầu sử dụng diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp chia đều cho 22 bị đơn.

Các bị đơn ông Hà Văn S, ông Luân Văn L, ông Luân Văn N, ông Hà Văn P, ông Lưu Văn H, ông Hà Văn T, ông Hà Văn P, ông La Văn M, ông Lưu Văn Th, ông La Văn Tr, ông Lưu Văn K, ông Luân Văn K, ông Luân Văn C, ông La Văn Hiệp, ông Hà Văn O, ông Lưu Văn Ch, bà Âu Thị Đ, ông Hà Văn T, trình bày: Nhất trí với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền anh Hoàng Văn T, anh Hà Văn S1, anh Luân Anh T, anh Hà Văn B đưa ra.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông La Văn M là bà Nông Thị N, anh Lưu Văn Ch, anh Lưu Văn H1, anh Lưu Văn H: Nhất trí với ý kiến của anh Hoàng Văn T, anh Hà Văn S1, anh Luân Anh T, anh Hà Văn B đưa ra.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn anh La Văn H là Nông Thị K và ông La Văn M: Nhất trí với ý kiến của anh Hoàng Văn T, anh Hà Văn S1, anh Luân Anh T, anh Hà Văn B đưa ra.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng Văn T, ông Hà Văn B: Bà Nguyễn Thanh H nhất trí với ý kiến của anh Hoàng Văn T, anh Hà Văn S1, anh Luân Anh T, anh Hà Văn B đưa ra.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hà Văn S1, ông Luân Anh T: Bà Triệu Thị Kim L nhất trí với ý kiến của anh Hoàng Văn T, anh Hà Văn S1, anh Luân Anh T, anh Hà Văn B đưa ra.

Tại Bản khai ngày 14-5-2020 và Văn bản số 106/TNMT ngày 14-5-2020 của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện L, ông Bùi Xuân M trình bày: Đất tranh chấp có diện tích khoảng 8 đến 10 ha, thuộc thửa số 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q (nay là xã Đ sau sát nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn, đất chưa được cấp cho hộ gia đình, cá nhân nào. Thửa đất có quy hoạch sử dụng đất là đất rừng sản xuất, có thể xem xét giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân vào mục đích trồng rừng sản xuất và tài sản trên đất được phép tồn tại.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 16-5-2020 và các lời khai của UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền ông Long Văn Đ, trình bày: Diện tích đất tranh chấp có địa danh khu đồi K, K, xóm K, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thửa đất số 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q (nay là xã Đ sau sát nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích cả thửa là 38 đến 39ha, diện tích tranh chấp khoảng 08 đến 10ha. Nguồn gốc đất tranh chấp là của Lâm trường L trồng cây bạch đàn lá liễu sau năm 1960 đến trước năm 1970. Đến năm 1979 xảy ra chiến tranh biên giới bộ đội đã chặt hết các cây bạch đàn lá liễu để làm hào và người dân cũng chặt cây bạch đàn này làm nhà. Đến năm 1994, 1995 có dự án 327 phủ xanh đất trống đồi trọc, tuy nhiên không rõ là đất của Đ hay xã Q cũ trước đây nên đã không thiết kế đất tranh chấp vào dự án 327. Năm 1997 có dự án cây ăn quả của huyện L giao cho ông Hoàng Đức H làm chủ trì, tại phần diện tích đất tranh chấp không thực hiện được dự án do ông Âu Văn C không cho làm. Tài sản trên đất là cây do tự mọc phát tán và các mầm chồi cây bạch đàn, ngoài ra còn có cây sim, cây mua, cỏ tạp và không có ai trồng cây gì trên đất. Đất tranh chấp không phải của ông Âu Văn C và cũng không phải của các hộ dân xóm K, thôn N, xã Đ. UBND xã Đ không nắm được ai là người quản lý và sử dụng đất tranh chấp nên đề nghị được quản lý và sử dụng đất tranh chấp. Tuy nhiên ngày 02-7-2020 UBND xã Đ đã rút yêu cầu được quyền quản lý và sử dụng đất tranh chấp và yêu cầu được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Tuyên, trình bày: Diện tích đất tranh chấp giữa ông Âu Văn C và các hộ dân xóm K, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có địa danh khu đồi K, K, xóm K, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng

Son, thuộc thửa số 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q (nay là xã Đ sau sát nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp phía Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp huyện L không quản lý, sử dụng và không liên quan gì đến đất tranh chấp. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại Bản khai ngày 07-7-2020 chị Chu Thị K, anh Âu Văn V trình bày: Anh, chị không biết diện tích tranh chấp như thế nào, không liên quan gì đến đất tranh chấp, việc giải quyết tranh chấp là do bà Vi Thị P quyết định, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại các lời khai của ông Hà Việt L, bà Hoàng Thị Ph, bà Hà Thị X, anh Hà Văn Đ, ông Luân Văn C, bà Hà Thị S, chị Lý Thị B, bà Phùng Thị C, anh Hoàng Văn X, chị Hà Thị M, bà Hoàng Thị T, chị Phùng Thị D, ông Hà Văn L, Dương Thị Ng, chị Âu Thị L, chị Mã Thị D, chị Lăng Thị N, bà Nông Thị K íu, anh La Văn T, bà Lộc Thị Ph, anh Lưu Văn Q, bà Lâm Thị Th, chị La Thị Th, bà Dương Thị N, chị Phùng Thị H, ông Luân Văn S, bà Lộc Thị N, chị Chu Thị V, ông Luân Văn H, bà Âu Thị Ô, bà Hoàng Thị P, chị Hoàng Thị Q, bà Trần Thị T, bà Vi Thị V, bà Lê Thị Ch, bà Nông Thị N, anh Lưu Văn H1, anh Luân Văn Th, chị Hứa Thị Đ, anh Hoàng Văn Q, chị Phùng Thị N, anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn T1, anh Hà Văn B, chị Hoàng Thị H, anh Hà Văn Ch, ông Lâm Văn C, bà Lộc Thị Lèo, anh Hà Văn Đ, anh Hà Văn N, anh Hà Văn Q1, chị Nông Thị H, chị Hoàng Thị T, chị Hoàng Thị H, anh Hoàng Văn H, bà Lộc Thị P, chị Hoàng Thị H, chị Hà Thị Đ, chị Hà Thu Ng, chị Chu Thị C, anh Hà Văn M, chị Hà Thị M, chị Hà Thị V, chị Hà Thị M, chị Hà Thúy K, chị La Thị A, anh Lưu Trung H, chị Lưu Thị L, anh Lưu Văn H, chị Lưu Thị N, chị Lưu Thị H, bà Lộc Thị P1, anh Hà Văn Hàng, chị Hà Thị H, anh Hà Văn A, chị Hà Thị B, chị Lộc Thị B, ông Luân Xuân Tình, chị Luân Thị Thu T, chị Luân Thị Như Q, chị Hà Thị T4, chị Luân Thị N, chị La Thị T, anh Hà Văn H, chị Lộc Thị B, trình bày: Nhất trí với ý kiến của anh Hoàng Văn T, anh Hà Văn S1, anh Luân Anh T, anh Hà Văn B đưa ra.

Tại lời khai ngày 5-5-2020 của người làm chứng ông Hoàng Đức H, ông Hứa Đức V, ông Âu Trung T, trình bày: Diện tích đất tranh chấp có địa danh đồi K, K, xóm K, thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thuộc thửa đất số 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q (nay là xã Đ sau sát nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích cả thửa là 38ha, 39ha, diện tích tranh chấp khoảng 8 đến 10ha. Nguồn gốc đất tranh chấp là của Lâm trường L trồng cây bạch đàn lá liễu sau năm 1960 đến trước năm 1970. Năm 1979 xảy ra chiến tranh biên giới bộ đội đã chặt hết các cây bạch đàn lá liễu để làm hầm hào và người dân cũng chặt cây bạch đàn này làm nhà. Đến năm 1994, 1995 có dự án 327 phủ xanh đất trống đồi trọc, tuy nhiên không rõ là đất của Đ hay xã Q cũ trước đây nên đã không thiết kế đất tranh chấp vào dự án 327. Năm 1997 có dự án cây ăn quả của huyện L giao cho ông Hoàng Đức H làm chủ trì, tại phân diện tích đất tranh chấp không thực hiện được dự án do ông Âu Văn C không cho làm nên không trồng được cây ăn quả. Tài sản trên đất là cây thông phát tán tự mọc

và các mầm chồi cây bạch đàn do Lâm trường trồng, ngoài ra còn có cây sim cây mua, cây tạp. Trên đất không có công trình, mồ mả hay vật kiến trúc gì trên đất. Đất tranh chấp chưa chia cho ai, không phải của ông Âu Văn C và của các hộ dân bị đơn mà đất tranh chấp thuộc về UBND xã Đ quản lý và sử dụng và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 100, 101, 166, Luật Đất đai 2013; Điều 236 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Âu Văn C và Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Âu Văn C, cụ thể: Bà Vi Thị P, anh Âu Văn L, anh Âu Văn V, chị Âu Thị B, chị Âu Thị S, chị Âu Thị H, chị Âu Thị N, chị Âu Thị B, chị Âu Thị T được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là 78.511m² và quản lý, sở hữu các tài sản trên đất gồm 55 cây thông đường kính gốc từ 5 đến 10cm; 04 cây thông đường kính gốc là 10 đến 20 cm; 11 cây thông đường kính gốc từ 20 đến 30 cm; 10 cây thông đường kính gốc trên 30 cm và 4710 cây bạch đàn mầm chồi thuộc 1 phần thửa đất số 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Q cũ, có địa danh là KN, K, thuộc thôn N, xã Q (cũ), nay là xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất tranh chấp gồm 2 phần, có vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

Phần diện tích đất tranh chấp thứ nhất, ký hiệu 641.1, vị trí đỉnh thừa là A1A2A3A4A5A6A7A8A9A10A11, có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Tây Bắc giáp ranh giới khe đồi, giáp đất ông Hoàng Văn C, có cạnh tiếp giáp dài 164m;

Phía Đông Bắc, Đông ranh giới theo đường mòn, giáp đất nhà ông Tăng Văn C có cạnh tiếp giáp dài 143,3m + 97,1m + 99,7m;

Phía Tây, Tây Nam giáp khe ruộng của ông Âu Văn C có cạnh tiếp giáp dài 147,1m + 133,6m + 117,6m + 197,3m + 123,4m và giáp đất ông Dương Công Đ có cạnh dài 90,9m;

Phần diện tích đất tranh chấp thứ hai, ký hiệu 641.2, vị trí đỉnh thừa A12A13A14A15A16A17A18, có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Tây Bắc giáp khe ruộng Âu Văn M có cạnh tiếp giáp dài 84,6m + 80,6m;

Phía Tây Nam giáp địa giới xã Q cũ và xã Đ cũ có cạnh dài 247,2m;

Phía Đông Bắc giáp khe đồi của ông Âu Văn C có cạnh tiếp giáp dài 177,2m + 158,3m;

Phía Đông giáp khe đồi của ông Âu Văn C có cạnh tiếp giáp dài 63,7m.

(Vị trí tiếp giáp, hình thể thửa đất, kích thước các cạnh, ranh giới, mốc giới khu đất tranh chấp theo phụ lục trích đo của công ty Sông Tô cung cấp kèm theo bản án)

Bà Vi Thị P, anh Âu Văn L, anh Âu Văn V, chị Âu Thị B, chị Âu Thị S, chị Âu Thị H, chị Âu Thị N, chị Âu Thị B, chị Âu Thị T được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm các thủ tục để được công nhận quyền sử dụng diện tích 78.511m² và các tài sản gắn liền với đất thuộc 1 phần thửa đất số 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Q (cũ), có địa danh là KN, K, thuộc thôn N, xã Q (cũ), nay là xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc của UBND xã Đ v/v yêu cầu được quản lý và sở hữu đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc 1 phần thửa số 641 tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Q cũ, có địa danh là KN, K, thuộc thôn N, xã Q (cũ), nay là xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Đình chỉ giải quyết đối với phần diện tích đất còn lại thuộc 1 phần thửa 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ lâm nghiệp xã Q (cũ), nằm ngoài diện tích đất tranh chấp theo biên bản thẩm định của Tòa án và kết quả trích đo do những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn rút yêu cầu

4. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Âu Văn C và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Âu Văn C, buộc các bị đơn và gia đình các bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất là 78.511m², thuộc 1 phần thửa đất số 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Q cũ, có địa danh là KN, K, thuộc thôn N, xã Q (cũ), nay là xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Đình chỉ giải quyết việc nguyên đơn ông Âu Văn C, bà Vi Thị P, anh Âu Văn L, anh Âu Văn V, chị Âu Thị B, chị Âu Thị S, chị Âu Thị H, chị Âu Thị N, chị Âu Thị B, chị Âu Thị T kiện ông La Văn M để yêu cầu được quản lý sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp đối với đất và tài sản gắn liền với đất do bà Vi Thị P, anh Âu Văn L, anh Âu Văn V, chị Âu Thị B, chị Âu Thị S, chị Âu Thị H, chị Âu Thị N, chị Âu Thị B, chị Âu Thị T rút yêu cầu.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc, chồng ghép bản đồ, chi phí giám định tuổi cây, chi phí đăng tin, án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 24/8/2020 các bị đơn: Ông Hà Văn S, ông Hà Văn S1, ông Hoàng Văn T, ông Luân Văn N, ông Hà Văn P, ông Lưu Văn H, ông Hà Văn T, ông Hà Văn P, ông La Văn M, ông Lưu Văn Th, ông La Văn Chung, ông Lưu Văn K, ông Luân Anh T, ông Luân Văn K, ông Luân Văn C, ông La Văn H, ông Hà Văn O, ông Lưu Văn Ch, bà Âu Thị Đ, ông Hà Văn T;

Hà Văn B, Hà Văn Đ, Luân Văn Th, Lâm Văn C, Lưu Văn H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Q nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm giao cho các bị đơn và người liên quan ông Hoàng Văn Q được quản lý, sử dụng một phần diện tích đất là 49.963m², thuộc một phần thửa 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, bác yêu cầu kháng cáo của các bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sửa Bản án dân sự sơ thẩm công nhận các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo được sử dụng 1 phần diện tích đất tranh chấp là 49.963 m² và tài sản trên đất tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ; phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa, thấy các bị đơn không có quá trình quản lý, sử dụng, trồng cây, tạo dựng công trình, tài sản trên đất tranh chấp; không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp đối với đất tranh chấp. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; kháng cáo của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu được quản lý, sử dụng 49.963m² đất tranh chấp và quyền sở hữu tài sản trên đất thuộc một phần thửa số 641, tờ bản đồ số 02, bnae đồ địa chính xã Q cũ, nay là xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí các bị đơn và người liên quan kháng cáo được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của các bị đơn được nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Ông Âu Văn C đã khởi kiện vụ án, sau khi Tòa án thụ lý, đang trong quá trình thu thập chứng cứ thì ông Âu Văn C mất vào tháng 3/2020. Tòa án cấp sơ thẩm đã bổ sung đưa những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Âu Văn C là bà Vi Thị P, anh Âu Văn L, anh Âu Văn V, chị Âu Thị B, chị Âu Thị S, chị Âu Thị H, chị Âu Thị N, chị Âu Thị B, chị Âu Thị T vào tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật. Chị Âu Thị T không có mặt tại địa phương, được Tòa án cấp sơ thẩm đăng tin công khai trên báo Công Lý và Đài phát thanh tìm kiếm. Hết thời hạn thông báo chị Âu Thị T không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật là đúng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và một số người làm chứng, tuy nhiên các đương sự vắng mặt đều được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai, đã có lời khai, biên bản xác minh đối với người làm chứng, đối với người liên quan vắng mặt, đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, văn bản ủy quyền tham gia tố tụng, theo quy định Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét nội dung kháng cáo của các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn có kháng cáo Hội đồng xét xử, xét thấy: Các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất 49.963m² thuộc một phần thửa 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Q cũ; địa danh: KN, (K), thuộc thôn N, xã Q (cũ), nay là xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đất có nguồn gốc là của Lâm trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn trồng cây bạch đàn lá liễu sau năm 1960 đến trước năm 1970. Năm 1979 xảy ra chiến tranh biên giới bộ đội đã chặt hết các cây bạch đàn lá liễu để làm hầm hào và người dân cũng chặt cây bạch đàn này làm nhà sau đó đất bỏ hoang. Năm 1986 gia đình nguyên đơn đã quản lý và sử dụng, xây dựng nhà lều và trồng thông trên đất tranh chấp, trồng nhiều đợt rải rác trên đất và quản lý sử dụng từ đó đến nay. Các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng và người làm chứng phía bị đơn đều khai không được quản lý sử dụng, không được trồng cây hay xây dựng các công trình trên đất; sát với khu vực đất tranh chấp là ruộng của gia đình nguyên đơn thường xuyên canh tác trồng trọt hoa màu. Tại bản kết luận giám định tuổi cây ngày 18/6/2020 phù hợp với tuổi cây của gia đình nguyên đơn trồng năm 1987, 1988.

[5] Do đó, có căn cứ để xác định gia đình nguyên đơn đã quản lý, sử dụng và trồng cây trên diện tích đất tranh chấp từ năm 1986 là có thật, trên đất tranh chấp vẫn còn bức tường nhà cũ của nguyên đơn đã xây dựng. Việc quản lý sử dụng đất của gia đình nguyên đơn là ổn định, liên tục từ năm 1986 đến năm 2018 mới xảy ra tranh chấp với các hộ dân của xã Q (cũ). Quá trình giải quyết tranh chấp nguyên đơn khai phù hợp với lời khai của các bị đơn và phù hợp với lời khai của người đại diện theo ủy quyền của UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn khai nguồn gốc đất tranh chấp là của Lâm trường L trồng cây bạch đàn lá

liều từ sau năm 1960 đến trước năm 1970. Năm 1979 xảy ra chiến tranh biên giới bộ đội đã chặt hết các cây bạch đàn để làm hào và người dân chặt cây bạch đàn về làm nhà. Năm 1997 có dự án cây ăn quả của huyện L giao cho ông Hoàng Đức H làm chủ trì, tại phần diện tích đất tranh chấp không thực hiện được dự án do ông Âu Văn C không cho làm. Tài sản trên đất là cây do tự mọc phát tán và các mầm chồi cây bạch đàn.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm những người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn không cung cấp thêm được các tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, các bị đơn khai do không có đất canh tác nên đã tranh chấp đất với gia đình nguyên đơn để lấy lại một phần diện tích đất để chia nhau canh tác. Do đó, các bị đơn và người có quyền lợi liên quan phía bị đơn kháng cáo yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất 49.963m², thuộc một phần thửa 641, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Q cũ; địa danh: KN, (K), thuộc thôn N, xã Q (cũ), nay là xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là không có cơ sở để chấp nhận. Bản án dân sự sơ thẩm đã giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị đơn và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[8] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Người đại diện phía bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu ý kiến bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị đơn không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[10] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị đơn và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn không được chấp nhận nên các đương sự kháng cáo mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhiên do các đương sự đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, thuộc xã có đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự được miễn toàn bộ tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn: Ông Hà Văn S, ông Hà Văn S1, ông Hoàng Văn T, ông Luân Văn N, ông Hà Văn P, ông Lưu Văn H, ông Hà Văn T, ông Hà Văn P, ông La Văn M, ông Lưu Văn Th, ông La Văn Tr, ông Lưu Văn K, ông Luân Anh T, ông Luân Văn K, ông Luân Văn C, ông La Văn H, ông Hà Văn O, ông Lưu Văn Ch, bà Âu Thị Đ, ông Hà Văn T; Hà Văn B, Hà Văn Đ, Luân Văn Th, Lâm Văn C, Lưu Văn H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Q; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm: Các bị đơn ông Hà Văn S, ông Hà Văn S1, ông Hoàng Văn T, ông Luân Văn N, ông Hà Văn P, ông Lưu Văn H, ông Hà Văn T, ông Hà Văn P, ông La Văn M, ông Lưu Văn Th, ông La Văn Tr, ông Lưu Văn K, ông Luân Anh T, ông Luân Văn K, ông Luân Văn C, ông La Văn H, ông Hà Văn O, ông Lưu Văn Ch, bà Âu Thị Đ, ông Hà Văn T; Hà Văn B, Hà Văn Đ, Luân Văn Th, Lâm Văn C, Lưu Văn H1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện Lộc Bình;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của DS;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm